TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH CHƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 13/4/2023
" Về việc tranh chấp đất đai "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà; Ông **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phương Phú, ông Phan Đình Trung

- Thư ký phiên toà: Ông; Trần Văn Thỏa. Thư ký, Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà; Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2023. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST- DS, ngày 21/11/2022, về việc: Tranh chấp đất đai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXX-ST, ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà; Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn*: Ông; Nguyễn Văn P, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông; Trần Văn M, sinh năm 1962, Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (chồng bà Tuyết). *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà; Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

3.2. Anh; Trần Văn L, sinh năm 1987, Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (con bà Tuyết). *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà; Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

3.3. Bà; Lê Thị H, sinh năm 1961, Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (vợ ông Phú). Vắng mặt

3.4. Chị; Nguyễn Thị O, sinh năm 1987; chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm Liên Đồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (các con của ông Phú). Vắng mặt

3.5. Tổng Công ty viễn thông MOBIFONE. Địa chỉ: Số 1, phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà nội. Có ông; Nguyễn Anh Minh. Chức vụ: Tổ trưởng Tổ viễn thông Nghệ An. Đài viễn thông Nghệ An, Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc, là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

3.6. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông; Nguyễn Văn Danh, sinh năm 1986. Luật sư - Văn phòng Luật sư Văn Danh và cộng sự. Địa chỉ: Số 288, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và là người đại diện của ông Trần Văn Mai, anh Trần Văn Loan, trình trình bày như sau: Năm 1982, bà và ông Trần Văn Mai lấy nhau, sau khi lấy nhau thì vợ chồng bà vào khai hoang thửa đất, hiện nay gọi là thửa đất số 149, tờ bản đồ số 01, có diện tích 687 m^2 tại khe Xương Vĩ, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Khi khai hoang ban đầu vợ chồng trồng Chè, cây Bạch Đàn và nhiều loại cây gỗ lâu năm khác. Ngày 11/05/2006, vợ chồng đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Năm 2006, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng đã phá chè và trồng Keo lên thửa đất. Tuy nhiên, một số cây Bạch Đàn và cây gỗ lâu năm khác vợ chồng bà vẫn giữ nguyên và chưa khai thác. Năm 2010, vợ chồng đã khai thác vườn Keo và chặt một số cây Bạch Đàn đã trồng từ những năm 1982 để làm nhà. Sau khi khai thác Keo thì do không có người làm nên thửa đất chỉ quản lý và bảo vệ một số cây gỗ lâu năm trên thửa đất. Do bà một mình con gái ở nhà và chồng con đều đi làm ăn ở trong Nam, nên năm 2016, ông Nguyễn Văn P là bạn của chồng bà đã mượn thửa đất để trồng Keo. Bà đã đồng ý cho ông Phú mượn đất để trồng Keo, cho nên năm 2016 ông Phú đã trồng Keo lên thửa đất. Năm 2020, ông Phú khai thác Keo và lợi dụng bà đang đi vào Nam không ở nhà

nên khi khai thác Keo xong ông Phú đã lấn chiếm một phần thửa đất của bà để cho Tổng công ty viễn thông Mobifone thuê xây dựng trạm thu phát sóng. Sau khi về nhà bà biết được sự việc thì đã yêu cầu ông Phú phải yêu cầu Tổng công ty viễn thông Mobifone di dời trạm thu phát sóng ra khỏi đất của bà để ông Phú trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho bà, nhưng ông Phú không thực hiện.

Vì vậy, bà đã làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Thanh Chương giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P và Tổng công ty viễn thông Mobifone di dời toàn bộ Trạm thu phát sóng ra khỏi đất của bà, để ông Phú trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho bà với diện tích là 209 m^2 như đúng kết quả thẩm định, trước đây bà yêu cầu trả 200 m^2 là do tính toán chưa chính xác; nay kết quả thẩm định ngày 06/3/2023 cho thấy ông Nguyễn Văn P lấn của gia đình bà 209 m^2, cho nên bà xin được bổ sung yêu cầu là trả lại 209 m2, tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 01 thuộc khe Xương Vĩ, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Ngoài hai nội dung yêu cầu ông Nguyễn Văn P trả lại diện tích đã lấn chiếm và yêu cầu Tổng công ty Mobifone tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên đất của gia đình, gia đình bà không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày như sau:

Ông và vợ con của ông đã nhận được các thông báo của Tòa án và các giấy triệu tập phiên tòa, khi nhận được các giấy tờ triệu tập của Tòa án, ông đã thông báo cho vợ con được biết, nhưng vợ và các con của ông đang đi làm ở Miền Nam không về được; vợ ông là bà Lê Thị Huệ, sinh năm 1961, ngày 06/12/2022, vợ chồng ông bà cũng đã có Đơn đề nghị gửi Tòa án.

Gia đình ông đã được Nhà nước cấp cho 01 thửa đất số 168, tờ bản đồ số 1 xã TL, huyện Thanh Chương, có diện tích là 1.224 m^2, thuộc đất rừng sản xuất, đã được UBND huyện Thanh Chương, cấp giấy chứng nhận ngày 11/5/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Huệ; tại thời điểm cấp giấy chứng nhận trong gia đình gồm có 02 vợ chồng và 04 người con gồm Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1987, hiện tại đã lấy chồng và đi làm công ty ở Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1990 cũng đã lấy chồng và đi làm tại cùng địa chỉ với Nguyễn Thị Oanh; cháu Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1992, chưa vợ con sống với ông bà; cháu út là Nguyễn Văn Mạnh sinh năm 1994, đã lấy vợ và đi làm cùng địa chỉ với Nguyễn Thị Oanh.

Khoảng tháng 02 năm 2021, Tổng công ty viễn thông Mobifone có ký hợp đồng thuê đất để đặt Trạm phát sóng của Mobifone với gia đình ông, để thuê một

phần của thửa đất số 168, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương. Sau khi thuê xong, Tổng công ty đã xây dựng và đặt 01 Trạm phát sóng trên phần đất đã thuê.

Sau khi thuê đất và xây dựng thì phát sinh tranh chấp liên quan đến gia đình bà Nguyễn Thị T. Sau khi sự việc xảy ra, thì UBND xã TL đã tiến hành hòa giải với 3 bên liên quan, nhưng vẫn chưa đi đến thống nhất được cách giải quyết.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện đến Tòa án, thì quan điểm của gia đình ông là kết quả thẩm định cho thấy phần đất mà ông đã cho Mobifone thuê xây dựng Trạm thu phát sóng là của gia đình bà Nguyễn Thị T, cho nên ông đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị T 209 m^2 đất của thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương. Còn việc tháo dỡ công trình là do bên Mobifone thực hiện.

Ngoài các ý kiến đã trình bày, gia đình ông Nguyễn Văn P không có thêm bất cứ ý kiến gì cả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện của Tổng công ty Mobifone trình bày như sau: Khoảng tháng 02 năm 2021, Tổng công ty viễn thông Mobifone có ký hợp đồng thuê đất để đặt Trạm phát sóng của Mobifone với gia đình ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Huệ, để thuê một phần của thửa đất số 168, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương. Sau khi thuê xong, Tổng công ty đã xây dựng và đặt 01 Trạm phát sóng trên phần đất đã thuê.

Sau khi thuê đất và xây dựng thì phát sinh tranh chấp liên quan đến gia đình bà Nguyễn Thị T. Sau khi sự việc xảy ra, thì phía tổng công ty đã làm việc với cả 02 gia đình ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T nhiều lần, nhưng vẫn chưa đi đến thống nhất được cách giải quyết; UBND xã TL cũng đã hòa giải nhiều lần, nhưng chưa đi đến thống nhất được với nhau.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện đến Tòa án, quan điểm của Mobifone là đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, Tổng công ty sẽ tháo dỡ Trạm phát sóng, vì trạm này còn liên quan đến bên thứ 3, nên Tổng công ty sẽ tháo dỡ toàn bộ trạm thu phát sóng và sẽ thanh lý hợp đồng đã ký kết với ông Nguyễn Văn P.

Ngoài ra Tổng công ty không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần bà Lê Thị Huệ là vợ ông Nguyễn Văn P và các con của ông bà là chị Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1987; chị Nguyễn Thị Nguyệt sinh năm 1990; anh Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1994; nhưng tất cả đều vắng mặt, bà Lê Thị Huệ đã có ý kiến, còn lại không ai có ý kiến gì.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn P trả lại 209 m^2 đã lấn chiếm của thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T. Buộc Tổng công ty Mobifone tháo dỡ toàn bộ Trạm thu phát sóng đã xây dựng trên thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1 xã TL, để trả lại đất cho gia đình bà Nguyễn Thị T. Các đương sự phải chịu án phí và chi phí thẩm định tại chỗ theo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đã lấn chiếm, của thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương. Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên là vợ và các con của ông Nguyễn Văn P, để công khai chứng cứ và hòa giải, song những người này đều vắng mặt, cho nên không thể tham gia việc hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt; cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 11/5/2006 hộ gia đình bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn Mai, được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương có diện tích 687 m^2, mục đích sử dụng Đất rừng sản xuất.

Ngày 11/5/2006 hộ gia đình ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Huệ được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương có diện tích 1.224 m^2, mục đích sử dụng Đất rừng sản xuất.

Tháng 02/2021 hộ ông Nguyễn Văn P ký kết hợp đồng cho Tổng công ty Mobifone thuê đất để đặt Trạm phát sóng của Mobifone trên thửa đất mà ông Nguyễn Văn P cho rằng thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 1, xã TL của gia đình.

Sau khi Tổng công ty Mobifone tiến hành xây dựng Trạm thu phát sóng, thì xảy ra tranh chấp giữa gia đình bà Nguyễn Thị T với gia đình ông Nguyễn Văn P. Việc tranh chấp đất đai hai bên đã được UBND xã TL tiến hành hòa giải, giải quyết nhiều lần nhưng không thành; nên bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

[3] Kết quả xác minh; xem xét thẩm định tại chỗ và định giá cho thấy:

3.1. Kết quả xác minh cho thấy: Qua làm việc với UBND xã TL, cho biết như sau:

Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/5/2006, mang tên hộ bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 và ông Trần Văn Mai, sinh năm 1962, trú tại xóm Liên Hồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/5/2006, mang tên hộ ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Huệ, sinh năm 1961, trú tại xóm Liên Hồng, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Việc tranh chấp đất đai giữa hai hộ gia đình liên quan đến Trạm phát sóng MOBIFONE, UBND xã TL đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các hộ gia đình vẫn không thống nhất được với nhau.

3.2. Kết quả thẩm định cho thấy:

Tòa án đã tiến hành thẩm định xem xét tại chỗ có sự chứng kiến của các bên đương sự và chính quyền địa phương và Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Chương cho thấy như sau:

Trạm phát sóng Mobifone được xây dựng nằm trên tổng diện tích 317 m^2; trong đó thuộc thửa đất số 149 của gia đình bà Nguyễn Thị T là 209 m^2; nằm trên thửa đất số 168 của hộ gia đình ông Nguyễn Văn P là 42 m^2; nằm trên đất thuộc quyền quản lý của UBND xã TL là 66 m^2.

Trong đó Cột phát sóng (cột bằng sắt, trụ bằng bê tông) và nhà để thiết bị thu phát sóng nằm trên thửa đất số 149 của gia đình bà Nguyễn Thị T; 01 dây néo (hay còn gọi là mố dây néo; đế trụ làm bằng bê tông, dây néo làm bằng sắt) số 3 nằm trên thửa đất số 149 của gia đình bà Nguyễn Thị T. 01 dây néo số 4 nằm trên thửa đất số 168 của hộ gia đình ông Nguyễn Văn P. Dây néo số 1 và 2 còn lại nằm trên đất thuộc quyền quản lý của UBND xã TL.

3.3. Kết quả định giá: Các đương sự thống nhất phần đất đang tranh chấp có giá 300.000 đồng/ 01 m^2.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đã lấn chiếm theo kết quả thẩm định, mà bên bị đơn đã lấn chiếm và cho rằng đó là đất thuộc quyền sử dụng của mình, nên đã cho Tổng công ty Mobifone thuê để xây dung Trạm thu phát sóng, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, có diện tích 209 m^2 là có căn cứ chấp nhận.

Kết quả xác minh và thẩm định cho thấy, phần đất mà ông Nguyễn Văn P cho rằng thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 1, xã TL, nên đã cho Tổng công ty Mobifone thuê để xây dựng Trạm thu phát sóng, có 209 m^2 thuộc thửa đất số 149 của gia đình bà Nguyễn Thị T; trong đó Cột phát sóng và nhà để thiết bị nằm trên thửa đất số 149 và 01 dây néo cũng nằm trên thửa đất số 149 của gia đình bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, bên bị đơn cũng thừa nhận và đồng ý trả lại cho gia đình bà Nguyễn Thị T diện tích 209 m^2 của thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, mà ông đã cho Mobifone thuê để xây dựng Trạm thu phát sóng.

[5] Xét ý kiến của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn cũng thừa nhận và đồng ý trả lại 209 m^2 của thửa đất số 149, xã TL cho gia đình bà Nguyễn Thị T, là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu của bên nguyên đơn và kết quả thẩm định tại chỗ.

[6] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

6.1. Đối với những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bên ông Nguyễn Văn P không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

6.2. Tại phiên tòa đại diện của Tổng công ty Mobifone cũng đồng ý tháo dỡ toàn bộ Trạm thu phát sóng đã xây dựng trên thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị T, là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu của bên nguyên đơn và kết quả thẩm định tại chỗ.

[7] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Các ý kiến của Luật sư là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đã được làm rõ tại phiên tòa.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên:

Các ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa.

[9] Vì vậy cần Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Huệ và các con, trả lại 209 m^2 của thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn Mai.

Là hoàn toàn phù hợp với Điều 164; 166; 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 101, 202, 203 Luật đất đai

[10] Về án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

10.1. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bên bị đơn phải chịu án phí đối với trị giá diện tích đất tranh chấp, theo quy định của pháp luật. Song bên bị đơn là người cao tuổi, nên miễn tiền án phí.

10.2. Đối với chi phí thẩm định tại chỗ tổng cộng là: 4.978.000 đồng (*Bốn triệu, chín trăm, bảy mươi tám nghìn đồng*).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên bị đơn phải chịu khoản chi phí thẩm định mà nguyên đơn đã bỏ ra.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26; Điều 147; 157; 165; 227; 228; 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 164; 166; 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 101, 202, 203 Luật đất đai. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Huệ và các con gồm Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Văn Quyết và Nguyễn Văn Mạnh, trả lại diện tích đã lấn chiếm 209 m^2 của thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trị giá: 62.700.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng*) cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn Mai.

(chi tiết phần đất đã lấn chiếm phải trả, được giới hạn bởi các điểm I, II, III, 3 về I, có trong sơ đồ kèm theo).

3. Buộc Tổng công ty viễn thông Mobifone có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ Cột phát sóng, Nhà đựng thiết bị thu phát sóng (ký hiệu là A) và 01 dây néo (dây số 3); đã xây dựng trên diện tích 209 m^2 đất, của thửa đất số 149, tờ bản đồ số 1, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, để trả lại diện tích đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn Mai.

(chi tiết trạm thu phát sóng và dây néo đã xây dựng trên đất được ký hiệu là A, 3, có trong sơ đồ kèm theo).

4. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

4.1. Miễn tiền án phí dân sự cho ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Huệ.

4.2. Ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Huệ, có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T, số tiền chi phí thẩm định xem xét tại chỗ là: 4.978.000 đồng (*Bốn triệu, chín trăm, bảy mươi tám nghìn đồng*).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn